

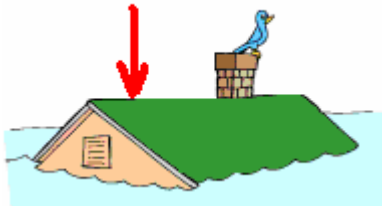




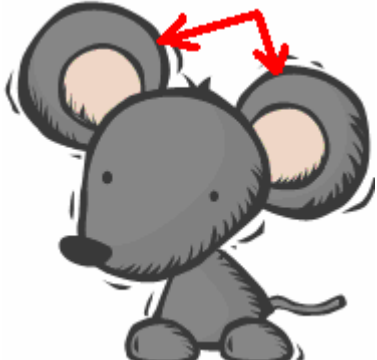
Họ và Tên _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Bài Tập Tại Lớp #9

Bài Số 16 – Ai (tiếp theo)

Phần 2 (Part 2)

<p>1. Ngày mai - tomorrow</p>	<p>2. Mái nhà – the roof</p> 
<p>3. Gà mái – a hen</p> 	<p>4. Con nai – a deer</p> 
<p>5. Nhai – to chew</p> 	<p>6. Cái quai – a handle</p> 
<p>7. Sai – wrong; incorrect</p>	<p>8. Lỗ tai – ears</p> 

9. Con trai – a boy



10. Trái – left (or fruit)



11. Phải – right



12. Trái vải – lychee



13. Cắm Trại – camping
Trại hè – summer camp



14. Vai – shoulder



Tập Đọc

Má và Mai

Má và Mai ở nhà.

Mai ốm bé ngủ say.

Má dạy Mai nhảy dây.

Mai nhảy, má vỗ tay.